

CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG VÀ SỰ RA ĐỜI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

Huỳnh Đức Thiện

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn -
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ra đời phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của cả đất nước. Thực tế chứng minh, từ khi ra đời đến nay, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã thật sự trở thành một địa bàn tăng trưởng kinh tế nhanh và mạnh, góp phần tích cực vào quá trình chuyển biến kinh tế, xã hội của Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Từ khóa: vùng kinh tế trọng điểm, chính sách, tăng trưởng kinh tế

*

1. Chính sách của Đảng trong việc phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng kinh tế ở Việt Nam

Đến những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX việc đổi mới trên lĩnh vực kinh tế xã hội càng được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm. Cùng với việc chú trọng chuyển dịch cơ cấu ngành, Đảng ta và Nhà nước cũng đã có quan điểm ngày càng rõ, quan tâm đúng mức đến chuyển dịch cơ cấu vùng, làm cho cả đất nước phát triển, phát huy được các lợi thế so sánh và hạn chế các bất lợi thế so sánh của từng vùng, bổ sung cho nhau cùng phát triển bền vững. Từ Đại hội toàn quốc lần thứ VII (1991), trong Văn kiện Đại hội cũng như trong các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, Đảng ta đã có chú ý đúng mức, nêu rõ những định hướng phát triển các vùng và liên kết với nhau trong một nền kinh tế thị trường thống nhất. Chính điều đó cho phép phát triển kinh tế các vùng gắn với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, làm cho đất nước chuyển mạnh theo hướng phát triển bền vững.

Để phát triển vùng, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, cụ thể hóa

phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội bằng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, bằng các chương trình và dự án đầu tư cụ thể; có các giải pháp và cơ chế về nguồn vốn, nhân lực, khoa học công nghệ, thị trường, phân cấp mạnh hơn cho các địa phương và tăng cường liên kết, hợp tác giữa các tỉnh trong vùng và ngoài vùng, liên kết hợp tác với quốc tế.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII chỉ rõ: "... *tập trung đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu, tạo chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế, trước hết đối với những ngành và vùng kinh tế trọng điểm có hiệu quả nhanh*" và "... *lựa chọn những thành phố, thị xã có vị trí thích hợp, xây dựng thành các trung tâm kinh tế, văn hóa của từng vùng*". [7: 62]. Việc khai thác lợi thế để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng càng được quan tâm đặc biệt trong đường lối công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước của Đảng ta. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) xác định: "*Đầu tư ở mức cần thiết cho vùng kinh tế trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế*". [8: 89].

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (2001) tiếp tục nhấn mạnh vị trí, vai trò các vùng kinh tế trọng điểm trong việc tác động, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các vùng khác trong nền kinh tế của cả nước: *“Phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng kinh tế trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá...”* [9: 139]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: *“... thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác”* [10: 92].

Nhìn chung, mục tiêu của các chính sách của Đảng là tạo điều kiện cho tất cả các vùng đều phát triển trên cơ sở khai thác thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng, liên kết giữa các vùng, làm cho mỗi vùng đều có một cơ cấu kinh tế hợp lý và đều có chuyển biến tiến bộ, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của cả nước. Tuy nhiên, trong đó vẫn hàm chứa sự kết hợp đầu tư có trọng điểm ba vùng kinh tế trọng điểm ở 3 miền (Bắc, Trung, Nam) để làm đầu tàu phát triển.

2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Ngay từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trước hết, những quan điểm chính chỉ đạo sự phát triển của vùng đã được nêu rõ trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000* của Đảng. Bên cạnh đó, còn có nhiều văn bản đề cập đến định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh thành trong vùng, các lĩnh vực kinh tế - xã hội tiêu biểu trong vùng như Quyết định 307-TTg ngày 24/5/1995 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ 1995 - 2000; Quyết định số 519-TTg của Thủ tướng

Chính phủ ngày 8 tháng 6 năm 1996 về quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng Đông Nam Bộ đến năm 2010; Quyết định 742/TTg ngày 6 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến năm 2010; Quyết định 880/TTg ngày 23 tháng 11 năm 1996 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2010; Quyết định 532/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010; Quyết định 935/TTg ngày 11/7/1997 về phê duyệt dự án đầu tư cụm kho đầu mối và xưởng đóng bao phân bón tại Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu; Quyết định 789/TTg về phê duyệt quy hoạch tổng thể xa lộ Bắc - Nam; Quyết định 855/TTg ngày 10/11/1997 về phê duyệt định hướng quy hoạch chung đô thị Nam tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 18-11-2002 của Bộ Chính trị về phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010...

Đặc biệt, có rất nhiều các văn bản có liên quan trực tiếp đến phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như: Quyết định 326-TTg ngày 30/5/1996 của Thủ Tướng Chính Phủ về phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ của hoạt động khoa học và công nghệ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn 1996 - 2000; Quyết định số 910/1997/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2010; Quyết định 110-TTg ngày 22/2/1997 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành bưu chính viễn thông giai đoạn 1996 - 2000; Quyết định 202/1999/QĐ-TTg ngày 12/10/1999 về Quy hoạch hệ thống cảng biển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg ngày 23/2/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

đến năm 2010; Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định 123/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị; Quyết định số 146/2004/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020...

Trong các văn bản trên, có một số văn bản có vai trò quan trọng đối với phát triển vùng nói chung và cho sự chuyển biến kinh tế - xã hội nói riêng. Những văn bản quan trọng phải kể đến là Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc.

Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có nhấn mạnh đến 7 mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

1. Xây dựng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành một trong những vùng kinh tế phát triển nhanh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn so với các vùng khác trong cả nước.
2. Phân đầu nâng GDP thời kỳ từ nay đến năm 2010 đạt từ 13,5% đến 14,5%, đi đầu trong một số lĩnh vực quan trọng, tạo động lực cho quá trình phát triển vùng Nam Bộ và góp phần thúc đẩy nền kinh tế cả nước.
3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của vùng và toàn khu vực phía Nam.
4. Hoàn thiện bước đầu và hiện đại hoá hệ thống cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ.
5. Giải quyết cơ bản việc làm cho những người trong độ tuổi lao động.

6. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.
7. Phát triển kinh tế phải gắn liền với tăng cường bảo đảm an ninh quốc phòng. [4: 3, 4].

Còn trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc (từ Đại hội VII đến Đại hội X), hầu như nội dung văn kiện nào cũng đề cập đến phát triển kinh tế xã hội cho vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tiêu biểu như trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, khi đề cập đến chiến lược phát triển kinh tế xã hội cho vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã nhấn mạnh: *“phát huy vai trò các trung tâm thương mại, xuất khẩu, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, khoa học và công nghệ, văn hoá, đào tạo đối với khu vực phía Nam và cả nước. Đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí; sản xuất điện, phân bón và hoá chất từ dầu khí. Hoàn chỉnh và nâng cấp các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Mở mang công nghiệp ở các tỉnh, không tập trung quá mức vào các đô thị lớn... Phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường, bông...), cây ăn quả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, hình thành các vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long... Nâng cấp các tuyến quốc lộ nối với các vùng và quốc tế; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng biển, sân bay. Xây dựng đô thị trên các trục phát triển gắn với khu công nghiệp. Giải quyết tốt hệ thống giao thông đô thị, cấp và thoát nước, khắc phục ô nhiễm môi trường...”*. [9: 35].

Qua thực tế có rất nhiều văn bản liên quan đến phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được ban hành trong giai đoạn này cho thấy Đảng và Nhà nước Việt Nam rất chú trọng đến việc phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nội dung chính những văn bản ấy đề cập trước hết đến việc tập trung phát triển công nghiệp vùng: từ việc phát triển những ngành

công nghiệp mũi nhọn; sản xuất các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao; đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp năng lượng, phân bón, hoá chất từ dầu khí; phát triển cơ khí chế tạo, luyện thép, điện tử - tin học, hoá chất, dệt, may, da giày, giấy, nhựa, sành sứ, thủy tinh, chế biến thực phẩm; đến việc hoàn thiện và phát huy hiệu quả các khu công nghiệp và khu chế xuất; xây dựng khu công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng ngoài hàng rào để đưa các khu công nghiệp vào hoạt động có hiệu quả; tiếp tục thực hiện chương trình phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn, nhanh chóng triển khai xây dựng các công trình trọng điểm về giao thông, cấp thoát nước, quy hoạch đô thị. Đẩy nhanh việc xây dựng các đô thị vệ tinh mới gắn với các khu công nghiệp xung quanh thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, nhiều nội dung cũng đề cập phát triển lâm nghiệp, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc (tập trung ở Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai); tăng nhanh việc trồng và sớm ổn định rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt giữ diện tích rừng ngập mặn của huyện Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh) và ven biển của Bà Rịa Vũng Tàu, chú trọng rừng nguyên liệu giấy, rừng quốc gia và rừng đầu nguồn Trị An; phát huy thế mạnh đất đai để phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường,...), cây ăn quả, cây nguyên liệu giấy. Cùng cố các điểm dân cư gắn với các vùng chuyên canh tập trung lớn về cà phê và cao su, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long; phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến và các dịch vụ nghề cá. Đẩy mạnh chế biến thủy sản, nâng cấp và hiện đại hoá các cơ sở chế biến thủy hải sản xuất khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai.

Ngoài ra, nội dung các văn bản còn lưu tâm đề cập đến việc hình thành hệ thống các trung tâm thương mại có quy mô và trình độ ngang tầm các nước trong khu vực. Ngoài trung tâm du lịch và dịch vụ lớn ở thành phố Hồ Chí Minh, tập trung phát triển du lịch, dịch vụ biển ở Vũng Tàu, Côn

Đảo. Hình thành các đô thị vệ tinh của thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Bình Dương.

Đặc biệt là việc phát triển các hoạt động văn hóa xã hội như tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp; sắp xếp lại các cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo đại học, dạy nghề, củng cố mạng lưới bệnh viện trên địa bàn toàn vùng, phát huy vai trò các trung tâm công nghiệp, khoa học, văn hoá, dịch vụ (thương mại, xuất khẩu, viễn thông, tài chính, ngân hàng).

Tóm lại, các chủ trương phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã được khẳng định trong các văn kiện Đại hội VII, VIII, XI và X của Đảng và các Nghị quyết của Quốc Hội, Nghị định, quyết định của Chính phủ, các bộ ngành. Các chủ trương này đều được tập trung vào chủ đề lớn về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá với mục tiêu phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành một trong những địa bàn kinh tế có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đi đầu trong một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo động lực cho quá trình phát triển của vùng Đông Nam Bộ, liên kết chặt chẽ với Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

3. Sự ra đời vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

3.1. Sự ra đời các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam

Từ sau thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Đảng ta đã xác định quan điểm phát triển các vùng trọng điểm nhằm tạo ra sự phát triển nhanh, tạo động lực lôi kéo các vùng khác phát triển, giảm bớt sự cách biệt về sự phát triển không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ thể hiện trong các văn kiện của Đảng như sau:

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng chỉ rõ: “... *tập trung đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu, tạo chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế, trước hết đối với những ngành và vùng kinh tế trọng điểm có hiệu quả nhanh*” và “...*lựa chọn những thành phố, thị xã có vị trí thích hợp, xây dựng thành các trung tâm kinh tế, văn hóa của từng vùng*”. [7: 62].

- Văn kiện Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có nêu: “... *đầu tư ở mức cần thiết cho các vùng kinh tế trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển toàn bộ nền kinh tế*”. [8: 98].

- Văn kiện Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh: “... *chiến lược phát triển các vùng là phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn*”. [9: 139].

- Văn kiện Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục khẳng định: “... *thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác*”. [10: 92].

Trong những năm cuối thập niên 1980, ba tam giác trọng điểm được hình thành ở ba vùng của đất nước. Ở phía Bắc có tam giác trọng điểm với 3 đỉnh phát triển là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Ở phía Nam có tam giác trọng điểm với 3 đỉnh phát triển là thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu. Ở khu vực miền Trung có tam giác trọng điểm với 3 đỉnh phát triển là Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

Trong quá trình phát triển, các tam giác trọng điểm được đổi thành các địa bàn kinh tế trọng điểm và sau đó là các vùng kinh tế trọng điểm với những chính sách đặc thù để tạo ra sự phát triển nhanh, có sức lan tỏa lớn ra các vùng ảnh hưởng.

3.2. Sự ra đời vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Nhằm thúc đẩy sự phát triển chung của cả nước cũng như tạo mối liên kết và phối hợp trong phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng kinh tế, Chính phủ đã lựa chọn một số tỉnh, thành phố để

hình thành nên vùng kinh tế trọng điểm quốc gia có khả năng đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của cả nước. Thực hiện chủ trương này, cuối năm 1997 và đầu năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã lần lượt phê duyệt các Quyết định số 747/1997/QĐ-TTg, 1018/1997/QĐ-TTg và 44/1998/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ba vùng kinh tế trọng điểm quốc gia đến năm 2010 bao gồm vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong đó, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ban đầu có 4 tỉnh, thành là thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa Vũng Tàu. Tháng 7/2003 Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung 3 tỉnh là Tây Ninh, Bình Phước và Long An. Tháng 9/2005 Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung tỉnh Tiền Giang. Như vậy, tính đến năm 2006 vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có 8 tỉnh, thành phố.

Sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các vùng kinh tế trọng điểm nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng trong những năm vừa qua có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định là do đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của các địa phương, của từng doanh nghiệp. Trong quá trình hình thành và phát triển, các vùng kinh tế trọng điểm đang phát huy lợi thế, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, không những tạo ra động lực thúc đẩy sự chuyển dịch nhanh cơ cấu nền kinh tế quốc dân theo chiều hướng tích cực mà còn góp phần ổn định nền kinh tế vĩ mô, đặc biệt là hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh lân cận trong vùng. Nhà nước tiếp tục thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng nhanh, đồng thời tạo điều kiện và đầu tư thích đáng hơn cho nhiều vùng khó khăn. Thống nhất quy hoạch phát triển trong cả nước, giữa các vùng, tỉnh, thành phố, tạo sự liên kết trực tiếp về sản xuất, thương mại, đầu tư, giúp đỡ kỹ thuật về nguồn nhân lực, nâng cao trình độ nhân

trí và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và khu vực, gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ, cải thiện môi trường và an ninh quốc phòng.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của cả nước; là vùng duy nhất hiện nay hội đủ các điều kiện và lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa; đặc biệt phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hóa dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu, ứng dụng và triển khai khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao. Mức độ phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã tác động mạnh mẽ đến tốc độ phát triển chung của cả nước.

Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trên cơ sở khai thác nguồn lực và phát huy những tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng của vùng nhằm xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành một trong những phát triển kinh tế năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, thực sự là vùng kinh tế động lực của cả nước, giữ vai trò quyết định đóng góp vào tăng

trưởng kinh tế chung của cả nước. Đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của cả nước và trong một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc tế, đi đầu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tạo động lực cho quá trình phát triển của Vùng Đông Nam Bộ. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng lãnh thổ có nhiều điều kiện thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn nhất, phát triển năng động nhất cả nước đang đóng góp tích cực cho phát triển của cả khu vực phía Nam. Đồng thời có hệ thống đô thị, các khu công nghiệp đang trong quá trình phát triển vượt bậc. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam xứng đáng “*được tập trung đầu tư cao để trở thành một trong những vùng kinh tế phát triển năng động nhất, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh vượt trước, chuyển dịch cơ cấu nhanh so với các vùng khác trong cả nước, đi đầu trong một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*”. [4: 2].

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ra đời là do quan điểm phát triển sáng suốt của Đảng ta, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đất nước. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam từ khi ra đời trở thành một cực tăng trưởng kinh tế nhanh và mạnh, có tác động lôi kéo các vùng khác của cả nước cùng phát triển, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam.

*

PARTY'S REGIONAL ECONOMIC DEVELOPMENT POLICIES AND THE FORMATION OF SOUTHERN KEY ECONOMIC ZONE

Huynh Đức Thiên

*University of Social Sciences and Humanities –
Vietnam National University - Ho Chi Minh City*

ABSTRACT

Southern Key Economic Zone came into reality due to our Party's lucid viewpoint on development, which is suitable with Vietnam's demand. It has been proved that since its birth, Southern Key Economic Zone has become a strong and rapid economic pole, and contributed to the socio-economic change in Vietnam during the “Đổi mới” era.

Keywords: *region key economic, socio-economic development*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo tổng hợp đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020*, Hà Nội, 2006.
- [2] Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 53-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Hà Nội, 29/8/2005.
- [3] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo một số nét chủ yếu về tình hình kinh tế - xã hội và các giải pháp thúc đẩy phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*, Hà Nội, tháng 6/2003.
- [4] Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg ngày 23/2/1998 về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010, Hà Nội, 1998.
- [5] Quyết định số 146/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ *Về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020*, Hà Nội, 2004.
- [6] Quyết định số 159/2007/QĐ-TTg ngày 10/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương đối với các vùng kinh tế trọng điểm, Hà Nội, 2007.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị Quốc gia, 1991.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, 1996.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, 2001.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, 2006.